| ỦY BAN NHÂN DÂN<br>TỈNH TÂY NINH | CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM<br>Độc lập – Tự do – Hạnh phúc |
|---|---|
| Số: 188 /BC-UBND | *Tây Ninh, ngày 09 tháng 6 năm 2019* |

# BÁO CÁO

## Tình hình triển khai thực hiện và giải ngân Kế hoạch đầu tư công năm 2019

Thực hiện các Văn bản của Bộ Kế hoạch và Đầu tư: số 3145/BKHĐT-KTĐPLT ngày 15/5/2019 về việc báo cáo tình hình triển khai thực hiện và giải ngân kế hoạch đầu tư công năm 2019, số 3563/BKHĐT-KTĐPLT ngày 29/5/2019 về việc chương trình làm việc của Đoàn công tác về tình hình triển khai thực hiện và giải ngân kế hoạch đầu tư công năm 2019;

Qua rà soát, Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh kính báo cáo như sau:

**1. Tình hình triển khai kế hoạch đầu tư công năm 2019**

Thực hiện Quyết định số 1897/QĐ-TTg ngày 31 tháng 12 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ và các Quyết định của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư: số 2106/QĐ-BKHĐT ngày 31 tháng 12 năm 2018 về việc giao chi tiết dự toán chi ngân sách trung ương thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia năm 2019, số 2118/QĐ-BKHĐT ngày 31 tháng 12 năm 2018 về việc giao chi tiết kế hoạch đầu tư vốn ngân sách nhà nước năm 2019; Nghị quyết số 32/2018/NQ-HĐND ngày 12 tháng 12 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh về Kế hoạch đầu tư xây dựng cơ bản năm 2019, UBND tỉnh đã ban hành các Quyết định: số 3194/QĐ-UBND ngày 27 tháng 12 năm 2018 về vệc giao chỉ tiêu Kế hoạch vốn đầu tư XDCB năm 2019, số 204/QĐ-UBND ngày 24 tháng 01 năm 2019 về việc phân khai Kế hoạch đầu tư XDCB năm 2019 nguồn ngân sách Trung ương (vốn trong nước và vốn nước ngoài) và vốn trái phiếu Chính phủ, số 732/QĐ-UBND ngày 26 tháng 03 năm 2019 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc giao Kế hoạch vốn đầu tư phát triển thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới năm 2019 (nguồn ngân sách Trung ương) và số 733/QĐ-UBND ngày 26 tháng 03 năm 2019 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc giao Kế hoạch vốn đầu tư phát triển thực hiện Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững năm 2019 (nguồn ngân sách Trung ương).

Tổng vốn đầu tư XDCB năm 2019 là 2.823,367 tỷ đồng (không kể nguồn bội chi NS địa phương: 60,9 tỷ đồng), bao gồm các nguồn như sau:

- Tổng vốn đầu tư XDCB nguồn ngân sách tỉnh theo Nghị quyết HĐND tỉnh[1](không kể nguồn bội chi NS địa phương: 60,9 tỷ đồng): 2.359,02 tỷ đồng (ngân sách tập trung: 592,02 tỷ đồng; nguồn thu tiền sử dụng đất: 252 tỷ đồng; xổ số kiến thiết: 1.515 tỷ đồng) đầu tư 83 dự án, chương trình (48 dự án, chương trình chuyển tiếp và 35 dự án khởi công mới).

- Vốn ngân sách trung ương - vốn trong nước: 258,734 tỷ đồng, cụ thể:

+ Hỗ trợ các chương trình mục tiêu: 153,830 tỷ đồng đầu tư 08 dự án (05 dự án chuyển tiếp và 03 dự án khởi công mới).

+ Hỗ trợ các chương trình mục tiêu quốc gia: 104,904 tỷ đồng, bao gồm: chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới: 91,1 tỷ đồng và chương trình MTQG giảm nghèo bền vững: 13,804 tỷ đồng.

- Vốn ngân sách trung ương - vốn nước ngoài (ODA): 105,613 tỷ đồng đầu tư 02 dự án chuyển tiếp.

- Vốn TPCP: 100 tỷ đồng đầu tư 01 dự án chuyển tiếp.

**2. Tình hình chỉ đạo, giải pháp thực hiện kế hoạch đầu tư công 2019 trong Quý I/2019, Quý II/2019 và hàng tháng.**

Ngay từ đầu năm 2019, UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 19/QĐ-UBND ngày 02/01/2019 về việc ban hành những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2019, trong đó có các nội dung chỉ đạo về đầu tư xây dựng cơ bản để các đơn vị có liên quan tổ chức triển khai thực hiện.

Ngày 24/01/2019, UBND tỉnh đã tổ chức Hội nghị tổng kết công tác XDCB năm 2018 và triển khai nhiệm vụ năm 2019 nhằm đánh giá kết quả đã đạt được trong năm 2018, nguyên nhân, hạn chế cũng như các khó khăn vướng mắc trong quá trình thực hiện, từ đó đề ra các giải pháp trọng tâm để các sở, ban, ngành và các huyện, thành phố, các chủ đầu tư nghiêm túc thực hiện nhằm mục tiêu hoàn thành kế hoạch đầu tư công năm 2019.

Hàng tháng, quý, UBND tỉnh đều đặn tổ chức hội nghị giao ban XDCB với sự tham gia của các sở, ban, ngành và các huyện, thành phố, các chủ đầu tư. Tại hội nghị, các đơn vị được giao nhiệm vụ chủ đầu tư báo cáo tiến độ thực hiện cũng như các vướng mắc trong quá trình triển khai dự án để UBND tỉnh, các sở, ngành có liên quan có biện pháp tháo gỡ, giải quyết kịp thời.

**3. Tình hình thực hiện và giải ngân kế hoạch đầu tư công năm 2019**

***3.1. Tình hình giải ngân kế hoạch vốn***

---

([1]) Nghị quyết số 32/2018/NQ-HĐND ngày 12/12/2018 về kế hoạch đầu tư xây dựng cơ bản năm 2019

* Đến 30/4/2019, giải ngân 511,612 tỷ đồng (kể cả phần tạm ứng hợp đồng), đạt 18,12% KH

Cụ thể phân theo nguồn vốn như sau:

+ Ngân sách Trung ương hỗ trợ các chương trình mục tiêu: Kế hoạch vốn 153,83 tỷ đồng, giải ngân 80,253 tỷ đồng, đạt 52,17% KH

+ Ngân sách Trung ương hỗ trợ các chương trình mục tiêu quốc gia: Kế hoạch vốn 104,904 tỷ đồng, giải ngân 10,941 tỷ đồng, đạt 10,43% KH.

+ Vốn trái phiếu Chính phủ: Kế hoạch vốn 100 tỷ đồng, chưa giải ngân

+ Vốn nước ngoài (ODA): Kế hoạch vốn 105,613 tỷ đồng, chưa giải ngân

+ Vốn cân đối ngân sách địa phương: Kế hoạch vốn 2.397,92 tỷ đồng; giải ngân 420,418 tỷ đồng, đạt 17,53% KH

* Ước đến 31/5/2019 giải ngân 644,634 tỷ đồng (kể cả phần tạm ứng hợp đồng), đạt 22,83% KH.

Cụ thể phân theo nguồn vốn như sau:

– Ngân sách địa phương: Kế hoạch vốn 2.359,02 tỷ đồng; trong 5 tháng đầu năm 2019 ước giải ngân 530,064 tỷ đồng, đạt 22,47% KH.

– Trung ương hỗ trợ: Kế hoạch vốn 258,734 tỷ đồng, trong 5 tháng đầu năm 2019 ước giải ngân 114,57 tỷ đồng, đạt 44,28% KH, cụ thể:

+ Chương trình mục tiêu: Kế hoạch vốn 153,83 tỷ đồng, trong 5 tháng đầu năm 2019 ước giải ngân 80,253 tỷ đồng, đạt 52,17% KH.

+ Chương trình MTQG: Kế hoạch vốn 104,904 tỷ đồng, trong 5 tháng đầu năm 2019 ước giải ngân 21,5 tỷ đồng, đạt 20,49% KH.

– Vốn ODA: Kế hoạch vốn 105,613 tỷ đồng, chưa giải ngân.

– Vốn TPCP: Kế hoạch vốn 100 tỷ đồng, chưa giải ngân.

* Dự kiến đến hết tháng 6/2019, giải ngân 1.310,83 tỷ đồng, đạt 45,8% KH. Cụ thể phân theo nguồn vốn như sau:

+ Ngân sách Trung ương hỗ trợ các chương trình mục tiêu: Kế hoạch vốn 153,83 tỷ đồng, giải ngân 118,83 tỷ đồng, đạt 77,25% KH.

+ Ngân sách Trung ương hỗ trợ các chương trình mục tiêu quốc gia: Kế hoạch vốn 104,904 tỷ đồng, giải ngân 48,6 tỷ đồng, đạt 46,33% KH.

+ Vốn trái phiếu Chính phủ: Kế hoạch vốn 100 tỷ đồng, giải ngân 34 tỷ đồng, đạt 34% KH.

+ Vốn nước ngoài (ODA): Kế hoạch vốn 105,613 tỷ đồng, giải ngân 70 tỷ đồng, đạt 66,28% KH.

+ Vốn cân đối ngân sách địa phương: Kế hoạch vốn 2.397,92 tỷ đồng; giải ngân 1.039,4 tỷ đồng, đạt 43,35% KH

Đến cuối năm 2019, ước hiện đạt 100% kế hoạch vốn được giao.

***3.2. Tình hình xử lý nợ đọng XDCB và thu hồi các khoản vốn ứng trước***

- Trong năm 2019, tỉnh đã phân bổ nguồn ngân sách thuộc mục Thanh toán khối lượng đã và đang thực hiện là 453,815 tỷ đồng để bố trí thanh toán khối lượng hoàn thành cho các dự án triển khai trên địa bàn nhằm khắc phục tình trạng nợ đọng xây dựng cơ bản.

- Tỉnh đã ban hành giải pháp khắc phục nợ XDCB và thực hiện các biện pháp chế tài trong việc để phát sinh nợ XDCB sau thời điểm 31/12/2014 trên địa bàn tỉnh (*Văn bản số 583/UBND-KTN ngày 15/3/2018*), xử lý nợ đọng XDCB thuộc Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới (*Văn bản số 1130/UBND-KTN ngày 14/5/2018*).

- Đồng thời trong thời gian tới Tỉnh sẽ tiếp tục chỉ đạo các đơn vị rà soát nợ XDCB và đề xuất giải pháp xử lý, hạn chế nợ XDCB theo hướng rà soát các dự án đang triển khai thực hiện để điều chỉnh kế hoạch vốn cho phù hợp; dành các nguồn phát sinh trong năm để ưu tiên bố trí thanh toán khối lượng hoàn thành.

***3.3. Tình hình triển khai các dự án lớn trên địa bàn:***

- Các dự án sử dụng vốn NSTW - vốn trong nước:

+ Đường 794 (ngã ba Kà Tum đến cầu Sài Gòn): kế hoạch vốn là 22,37 tỷ đồng, giải ngân đến 30/4/2019: 22,37 tỷ đồng, đạt 100% kế hoạch.

+ Đường Phước Vinh - Sóc Thiết - Tà Xia: kế hoạch vốn là 30 tỷ đồng, giải ngân đến 30/4/2019: 28,975 tỷ đồng, đạt 96,58% kế hoạch, ước giải ngân đến 31/5/2019: 30 tỷ đồng, đạt 100% kế hoạch.

+ Đường Trưng Nữ Vương đoạn từ cầu Thái Hòa đến QL22B: kế hoạch vốn là 40 tỷ đồng, giải ngân đến 30/4/2019: 18,907 tỷ đồng, đạt 47,26% kế hoạch, ước giải ngân đến 31/5/2019: 22,7 tỷ đồng, đạt 56,75% kế hoạch.

+ Đường từ ngã ba ĐT 781 đoạn từ ngã ba Bờ Hồ DT- địa giới tỉnh Bình Dương: kế hoạch vốn là 30 tỷ đồng, ước giải ngân đến 31/5/2019: 8 tỷ đồng, đạt 26,67% kế hoạch.

+ Đường từ ngã ba ĐT 781 Bờ Hồ DT-ĐT 785 ngã 4 Tân Hưng: kế hoạch vốn là 5 tỷ đồng, giải ngân 30/4/2019: 5 tỷ đồng, đạt 100% kế hoạch.

+ Đường và cầu bến Cây ổi: kế hoạch vốn là 5 tỷ đồng, giải ngân đến 30/4/2019: 5 tỷ đồng, đạt 100% kế hoạch.

- Các dự án sử dụng vốn Trung ương hỗ trợ - vốn nước ngoài:

- Dự án Phát triển các đô thị hành lang sông Mekong mở rộng tại Mộc Bài - Tây Ninh: đang triển khai thực hiện theo tiến độ, dự án có giá trị khối lượng hoàn thành là 70 tỷ đồng. Hiện nay, Chủ đầu tư đã hoàn chỉnh thủ tục trình cấp thẩm quyền thực hiện giải ngân theo quy định và dự kiến sẽ giải ngân trong tháng 6/2019.

- Tăng cường quản lý đất đai và CSDL đất đai trên địa bàn Tây Ninh): chưa giải ngân (*địa phương đã hoàn chỉnh các thủ tục chuẩn bị triển khai dự án theo hướng dẫn của Tổng Cục quản lý đất đai, hiện đang chờ Ban Chỉ đạo cấp Quốc gia Dự án VILG hướng dẫn kế hoạch hoạt động cụ thể để triển khai các bước tiếp theo*).

- Dự án sử dụng vốn TPCP - Tưới tiêu cho khu vực phía Tây sông Vàm Cỏ Đông: đang triển khai thực hiện theo tiến độ, dự án có giá trị khối lượng hoàn thành là 34 tỷ đồng. Hiện nay, Chủ đầu tư đã hoàn chỉnh thủ tục trình cấp thẩm quyền thực hiện giải ngân theo quy định và dự kiến sẽ giải ngân trong tháng 6/2019.

***3.4. Tình hình rà soát, điều chỉnh, phê duyệt lại các dự án có số vốn bố trí trong kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 trên tổng mức đầu tư thấp mà dự kiến hoàn thành trong giai đoạn này.***

- Đối với nguồn ngân sách tỉnh: hàng năm, tỉnh thực hiện công tác điều chỉnh kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 để phù hợp với tình hình đầu tư công thực tế của tỉnh: Điều chỉnh nội bộ trong phạm vị định mức vốn đã giao cho ngành, lĩnh vực, huyện, thành phố; Điều chỉnh giảm vốn của các dự án đã được giao kế hoạch trung hạn *(giảm một phần hoặc giảm toàn bộ kế hoạch vốn đã bố trí cho các dự án)*; Điều chỉnh tăng kế hoạch vốn trung hạn cho các dự án *(bao gồm: bổ sung vốn cho các dự án đã được giao kế hoạch trung hạn + bố trí vốn cho các dự án bổ sung vào kế hoạch trung hạn đợt này theo thứ tự ưu tiên về tính bức xúc, cấp thiết)*.

- Đối với nguồn vốn ngân sách trung ương: căn cứ các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, tỉnh đã thực hiện công tác rà soát, điều chỉnh kế hoạch vốn các dự án có số vốn bố trí trong kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 thấp mà dự kiến hoàn thành trong giai đoạn này, cụ thể:

+ Phân bổ 10% dự phòng kế hoạch đầu tư công trung hạn 2016-2020 vốn NSTW (bao gồm vốn ODA và TPCP) tại các văn bản: số 2565/UBND-KTN ngày 19/10/2018, số 578/UBND- KTN ngày 29/3/2019. Hiện nay, tỉnh đã được trung ương thông báo phân bổ 10% dự phòng - nguồn vốn ODA (72,176 tỷ đồng) cho dự

án Dự án Phát triển các đô thị dọc hành lang tiểu vùng sông Mekong, hợp phần tỉnh Tây Ninh.

+ Điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư vốn nước ngoài nguồn NSTW 02 năm 2019-2020 và năm 2019 tại các văn bản: số 38/UBND-KTN ngày 10/01/2019 và số 251/UBND-KTN ngày 14/02/2019.

Hiện nay, tỉnh có văn bản số 982/UBND-KTTC ngày 15/5/2019 trình Trung ương xem xét bổ sung kế hoạch vốn đầu tư XDCB năm 2019 nguồn NSTW ứng trước kế hoạch năm 2020 để thực hiện đầu tư 03 dự án thuộc Chương trình Phát triển kinh xã hội các vùng (Đường Phước Vinh – Sóc Thiết – Tà Xia là 37 tỷ đồng, Đường từ ngã ba ĐT 781 - Bờ hồ Dầu Tiếng đến ĐT 785 ngã tư Tân Hưng là 30 tỷ đồng và Đường và cầu bến Cây Ổi là 25 tỷ đồng).

Đồng thời, tỉnh dự kiến trình trung ương cho phép phân bổ phần vốn còn thừa sau khi hoàn ứng cho NSĐP đã ứng trước để thực hiện Chương trình Hỗ trợ nhà ở cho người có công theo Quyết định số 22/QĐ-TTg (14,49 tỷ đồng) để bố trí tăng định mức vốn cho 02 dự án thuộc Chương trình Phát triển kinh xã hội các vùng (Đường Trưng Nữ Vương đoạn từ cầu Thái Hòa đến QL22B là 8 tỷ đồng và Đường Phước Vinh – Sóc Thiết – Tà Xia là 6,49 tỷ đồng).

**4. Những khó khăn, vướng mắc trong thực hiện và giải ngân kế hoạch đầu tư công năm 2019; Nguyên nhân của những vướng mắc, khó khăn đó.**

Kết quả thực hiện và giải ngân vốn XDCB đến tháng 4/2019 đạt thấp (ước đạt 18,12% kế hoạch), nhiều dự án khởi công mới vẫn trong giai đoạn đấu thầu, chưa khởi công xây dựng; công tác giải ngân các dự án chuyển tiếp còn chậm.

Việc phân khai vốn chi tiết cho các dự án thuộc Chương trình MTQG NTM (10% dự phòng NSTW) chưa hoàn thành do phải trình HĐND tỉnh cho chủ trương phân bổ nguồn vốn này trước khi ban hành Quyết định phân khai theo quy định.

**5. Tình hình môi trường đầu tư kinh doanh, chi phí tuân thủ pháp luật**

**5.1. Kết quả xếp hạng PCI của tỉnh**

Kết quả xếp hạng PCI của tỉnh tiếp tục tăng hạng (14/63). Môi trường đầu tư kinh doanh của tỉnh tiếp tục cải thiện theo chiều hướng tốt hơn. Việc thành lập Trung tâm hành chính hoạt động bước đầu có hiệu quả tích cực góp phần giảm thời gian và chi phí cho doanh nghiệp và người dân. Đặc biệt là từ ngày 01/11/2018, tỉnh triển khai việc thực hiện tiếp nhận, tra cứu tình trạng giải quyết hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC qua mạng xã hội Zalo đối với một số thủ tục, tạo được sự hài lòng của người dân và doanh nghiệp.

**5.2. Khó khăn, vướng mắc và nguyên nhân của khó khăn vướng mắc trong môi trường đầu tư kinh doanh**

a) Hiện nay, Điểm c Khoản 6 Điều 33 Luật Đầu tư được sửa đổi bởi Khoản 3 Điều 4 Luật số 28/2018/QH14 quy định trong Báo cáo thẩm định trình UBND tỉnh, Thủ tướng Chính phủ, Quốc hội Quyết định chủ trương đầu tư có quy định nội dung *"c) Đánh giá sự phù hợp của dự án đầu tư với quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh, quy hoạch đô thị và quy hoạch đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt (nếu có); đánh giá tác động, hiệu quả kinh tế - xã hội của dự án;"*.

Tuy nhiên, hiện nay quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh chưa được phê duyệt. Do đó, nhà đầu tư và cơ quan đăng ký đầu tư không có cơ sở để xác định sự phù hợp của dự án đối với quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng và quy hoạch tỉnh. Điều này gây khó khăn công tác hướng dẫn nhà đầu tư thực hiện thủ tục hành chính và cản trợ việc nhà đầu tư tiếp nhận thông tin công bố quy hoạch.

b) Hiện nay, có sự chồng chéo giữa Luật Bảo vệ môi trường năm 2014 và Luật Đầu tư năm 2014:

Theo quy định tại Khoản 2 Điều 25 Luật Bảo vệ môi trường, Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường là căn cứ để cấp có thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư dự án thuộc diện quyết định chủ trương đầu tư.

Tuy nhiên, theo quy định tại Điều 33 Luật Đầu tư 2014, hồ sơ quyết định chủ trương đầu tư của UBND cấp tỉnh không bao gồm Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường.

Khoản 2 Điều 6 Nghị định số 118/2015/NĐ-CP ngày 12/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư 2014 quy định cơ quan đăng ký đầu tư không được yêu cầu nhà đầu tư nộp thêm giấy tờ khác ngoài giấy tờ quy định trong hồ sơ đăng ký đầu tư quy định tại Luật Đầu tư và Nghị định này.

Như vậy, việc nhà đầu tư chưa biết mình có được lựa chọn làm chủ đầu tư dự án hay không mà phải bỏ trước một khoản tiền rất lớn để lập báo cáo đánh giá tác động môi trường, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt là khó khả thi vì có thể sẽ tạo rủi ro về chi phí đầu tư cho nhà đầu tư.

**6. Nhiệm vụ, giải pháp và kiến nghị, đề xuất nhằm thúc đẩy giải ngân kế hoạch đầu tư công năm 2019 trong những tháng cuối năm.**

***6.1 Nhiệm vụ, giải pháp***

- Thực hiện nghiêm túc Nghị quyết số 70/NQ-CP ngày 03 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ về một số nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu đẩy nhanh tiến độ thực hiện và giải ngân kế hoạch vốn đầu tư công; Chỉ thị số 09/CT-TTg ngày 01 tháng 4 năm 2019 của Thủ tướng Chính phủ về các giải pháp tập trung tháo gỡ cho sản xuất kinh doanh, bảo đảm mục tiêu tăng trưởng 6 tháng và cả năm 219; chỉ đạo của Thủ tướng tại văn bản số 1992/VPCP-KTTH ngày 12 tháng 3 năm 2019 về đẩy mạnh việc thực hiện và thanh toán kế hoạch vốn đầu tư công năm 2019.

- Khẩn trương rà soát khả năng giải ngân của từng dự án đã được giao kế hoạch vốn kế hoạch đầu tư công trung hạn 2016-2020 và năm 2019 để thực hiện

việc điều chuyển kế hoạch vốn đầu tư từ những dự án không có khả năng thực hiện giải ngân sang dự án có khả năng giải ngân tốt hơn.

- Giao Kho bạc nhà nước đảm bảo nguồn thanh toán cho các dự án, rút ngắn thời gian kiểm soát chi, phối hợp chặt chẽ với chủ đầu tư kịp thời xử lý vướng mắc phát sinh. Phối hợp kịp thời với Sở Kế hoạch và Đầu tư trong việc rà soát, tổng hợp các dự án đã giao kế hoạch đầu tư công trung hạn 2016-2020 và năm 2019 nhưng không có nhu cầu giải ngân hoặc không giải ngân được để đề xuất việc điều chỉnh cho các dự án có nhu cầu giải ngân cao, cần hoàn thành trong năm 2019.

- Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra để kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong việc hoàn thiện thủ tục đầu tư để đẩy nhanh giải ngân vốn đã được giao.

***6.2 Kiến nghị đề xuất***

- Bổ sung kế hoạch vốn đầu tư XDCB năm 2019 nguồn NSTW ứng trước kế hoạch năm 2020 để thực hiện đầu tư 03 dự án thuộc Chương trình Phát triển kinh xã hội các vùng (Đường Phước Vinh – Sóc Thiết – Tà Xia là 37 tỷ đồng, Đường từ ngã ba ĐT 781 - Bờ hồ Dầu Tiếng đến ĐT 785 ngà tư Tân Hưng là 30 tỷ đồng và Đường và cầu bến Cây Ổi là 25 tỷ đồng).

- Phân bổ phần vốn còn thừa sau khi hoàn ứng cho NSĐP đã ứng trước để thực hiện Chương trình Hỗ trợ nhà ở cho người có công theo Quyết định số 22/QĐ-TTg (14,49 tỷ đồng) để bố trí tăng định mức vốn cho 02 dự án thuộc Chương trình Phát triển kinh xã hội các vùng (Đường Trưng Nữ Vương đoạn từ cầu Thái Hòa đến QL22B là 8 tỷ đồng và Đường Phước Vinh – Sóc Thiết – Tà Xia là 6,49 tỷ đồng).

- Xem xét, kiến nghị cấp có thẩm quyền xử lý các khó khăn, vướng mắc tại khoản 5.2 nêu trên.

Tỉnh Tây Ninh trân trọng báo cáo và rất mong được Trung ương quan tâm xem xét chấp thuận kiến nghị nêu trên, tạo điều kiện cho địa phương đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng, nhất là hạ tầng giao thông./.

***Nơi nhận:***
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- Bộ Tài chính;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các Sở: KHĐT, TC, KBNN;
- LĐVP, KTTC;
- Lưu: VT.VPUBND tỉnh.

binhht_CVUB_353

**KT. CHỦ TỊCH**
**PHÓ CHỦ TỊCH**

**Dương Văn Thắng**

*Tỉnh Tây Ninh*

**PHỤ LỤC I**

**TỔNG HỢP TÌNH HÌNH THỰC HIỆN VÀ GIẢI NGÂN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ TỪ VỐN NSNN KẾ HOẠCH NĂM 2019**

*(Kèm theo Báo cáo số 188 /BC-UBND ngày 28 tháng 6 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh)*

*Đơn vị: Triệu đồng*

| STT | Chương trình/ngành, lĩnh vực | Kế hoạch năm 2019 (đã được Thủ tướng Chính phủ giao) | | | Khối lượng thực hiện từ 01/01/2019 đến ngày 30/4/2019 | | | Giải ngân KH năm 2019 từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/4/2019 | | | Ước giải ngân KH năm 2018 từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/6/201 | | | Ước giải ngân KH năm 2018 từ ngày 01/01/2019 đến ngày 31/01/2020 | | | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Tổng số | Trong nước | Nước ngoài | Tổng số | Trong nước | Nước ngoài | Tổng số | Trong nước | Nước ngoài | Tổng số | Trong nước | Nước ngoài | Tổng số | Trong nước | Nước ngoài | |
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 | 12 | 13 | 14 | 15 | 16 | 17 | 18 |
| | **TỔNG SỐ VỐN** | **2.862.267** | **2.756.654** | **105.613** | **774.193** | **644.193** | **130.000** | **511.612** | **511.612** | **-** | **1.310.830** | **1.240.830** | **70.000** | **2.862.267** | **2.756.654** | **105.613** | |
| **I** | **Đầu tư trong cân đối ngân sách địa phương** | **2.397.920** | **2.397.920** | **-** | **477.610** | **477.610** | **-** | **420.418** | **420.418** | **-** | **1.039.400** | **1.039.400** | **-** | **2.397.920** | **2.397.920** | **-** | |
| *1* | *Vốn theo tiêu chí tại QĐ số 40* | *592.020* | *592.020* | | *172.360* | *172.360* | | *153.996* | *153.996* | | *230.900* | *230.900* | | *592.020* | *592.020* | | |
| 2 | *Vốn từ nguồn thu sử dụng đất* | *230.000* | *230.000* | | *18.750* | *18.750* | | *16.712* | *16.712* | | *75.900* | *75.900* | | *230.000* | *230.000* | | |
| 3 | *Vốn từ nguồn thu xổ số kiến thiết* | *1.515.000* | *1.515.000* | | *286.500* | *286.500* | | *249.710* | *249.710* | | *732.600* | *732.600* | | *1.515.000* | *1.515.000* | | |
| *4* | *Bội chi ngân sách* | *60.900* | *60.900* | | | | | | | | | | | *60.900* | *60.900* | | |
| **II** | **Ngân sách Trung ương thực hiện các Chương trình** | **464.347** | **358.734** | **105.613** | **296.583** | **166.583** | **130.000** | **91.194** | **91.194** | **-** | **271.430** | **201.430** | **70.000** | **464.347** | **358.734** | **105.613** | |
| 1 | Các chương trình mục tiêu quốc gia | 104.904 | 104.904 | | 9.850 | 9.850 | | 10.941 | 10.941 | | 48.600 | 48.600 | | 104.904 | 104.904 | | |
| 2 | Các chương trình mục tiêu | 259.443 | 153.830 | 105.613 | 236.733 | 106.733 | 130.000 | 80.253 | 80.253 | | 188.830 | 118.830 | 70.000 | 259.443 | 153.830 | 105.613 | |
| 3 | Trái phiếu Chính phủ | 100.000 | 100.000 | | 50.000 | 50.000 | | | | | 34.000 | 34.000 | | 100.000 | 100.000 | | |
| 4 | Chương trình người có công | - | | | | | | | | | | | | | | | |
| | | | | | | | | | | | | | | | | | |

*Tỉnh Tây Ninh*

# PHỤ LỤC II

## BÁO CÁO CHI TIẾT TÌNH HÌNH THỰC HIỆN VÀ GIẢI NGÂN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ NĂM 2019 VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG HỖ TRỢ CÓ MỤC TIÊU THEO TỪNG DỰ ÁN

*(Kèm theo Báo cáo số 188 /BC-UBND ngày 03 tháng 6 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh)*

*Đơn vị: Triệu đồng*

| TT | Danh mục dự án | Mã dự án | Thời gian KC-HT | Quyết định đầu tư | | | KH năm 2019 | | | | Khối lượng thực hiện Kế hoạch năm 2019 tính từ 01/01/2019 đến 30/4/2019 | | Giải ngân Kế hoạch năm 2019 từ 01/01/2019 đến 30/4/2019 | | | | Ước giải ngân Kế hoạch năm 2019 từ 01/01/2019 đến 30/6/2019 | | | | Ước giải ngân Kế hoạch năm 2019 từ 01/01/2019 đến 31/01/2020 | | | | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành | TMĐT | | Tổng số (tất cả các nguồn vốn) | *Trong đó: vốn NSTW* | | | Tổng số (tất cả các nguồn vốn) | Trong đó: Vốn NSTW | Tổng số (tất cả các nguồn vốn) | *Trong đó: vốn NSTW* | | | Tổng số (tất cả các nguồn vốn) | *Trong đó: vốn NSTW* | | | Tổng số (tất cả các nguồn vốn) | *Trong đó: vốn ...* | | | |
| | | | | | Tổng số (tất cả các nguồn vốn) | *Trong đó: vốn NSTW* | | Tổng số | Trong đó: Thu hồi vốn ứng | Trong đó: Thanh toán nợ | | | | Tổng số | Trong đó: Thu hồi vốn ứng | Trong đó: Thanh toán nợ | | Tổng số | Trong đó: Thu hồi vốn ứng | Trong đó: Thanh toán nợ | | Tổng số | Trong đó: Thu hồi vốn ứng | Trong đó: Thanh toán nợ | |
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 | 12 | 13 | 14 | 15 | 16 | 17 | 18 | 19 | 20 | 21 | 22 | 23 | 24 | 25 | 26 |
| | **TỔNG SỐ** | | | | **1.324.501** | **807.241** | **188.830** | **153.830** | | | **114.373** | **106.733** | **94.561** | **80.253** | | | **143.370** | **118.830** | | | **188.830** | **153.830** | | | |
| **I** | **Chương trình mục tiêu phát triển kinh tế-xã hội các vùng** | | | | **1.087.495** | **657.263** | **147.370** | **132.370** | | | **93.830** | **93.830** | **91.361** | **80.253** | | | **117.370** | **102.370** | | | **147.370** | **132.370** | | | |
| **2** | **Thực hiện dự án** | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| **2.2** | **Các dự án dự kiến hoàn thành năm 2019** | | | | **528.848** | **210.000** | **22.370** | **22.370** | | | **22.370** | **22.370** | **22.370** | **22.370** | | | **22.370** | **22.370** | | | **22.370** | **22.370** | | | |
| | ***Dự án nhóm B*** | | | | ***528.848*** | ***210.000*** | ***22.370*** | ***22.370*** | | | ***22.370*** | ***22.370*** | ***22.370*** | ***22.370*** | | | ***22.370*** | ***22.370*** | | | ***22.370*** | ***22.370*** | | | |
| 1 | Đường ĐT 794 đoạn từ ngã ba Kà Tum đến cầu Sài Gòn (giai đoạn 1) | 7194969 | 2015-2019 | 2466/QĐ-UBND 28/10/2014 | 528.848 | 210.000 | 22.370 | 22.370 | | | 22.370 | 22.370 | 22.370 | 22.370 | | | 22.370 | 22.370 | | | 22.370 | 22.370 | | | |
| **2.3** | **Các dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2019** | | | | **307.765** | **242.000** | **100.000** | **100.000** | | | **48.352** | **48.352** | **47.883** | **47.883** | | | **70.000** | **70.000** | | | **100.000** | **100.000** | | | |
| | ***Dự án nhóm B*** | | | | ***307.765*** | ***242.000*** | ***100.000*** | ***100.000*** | | | ***48.352*** | ***48.352*** | ***47.883*** | ***47.883*** | | | ***70.000*** | ***70.000*** | | | ***100.000*** | ***100.000*** | | | |
| 2 | Đường Trưng Nữ Vương đoạn từ cầu Thái Hòa đến QL22B | 7314518 | 2018-2020 | 2278/QĐ-UBND 29/9/2017 | 120.001 | 95.000 | 40.000 | 40.000 | | | 18.953 | 18.953 | 18.907 | 18.907 | | | 30.000 | 30.000 | | | 40.000 | 40.000 | | | |
| 3 | Đường 781 đoạn từ ngã ba bờ hồ Dầu Tiếng đến địa giới tỉnh Bình Dương | 7292394 | 2018-2020 | 2283/QĐ-UBND 29/9/2017 | 79.207 | 70.000 | 30.000 | 30.000 | | | | | | | | | 10.000 | 10.000 | | | 30.000 | 30.000 | | | |
| 4 | Đường Phước Vinh - Sóc Thiết - Tà Xia | 7455946 | 2018-2020 | 2076/QĐ-UBND 05/9/2017 | 103.557 | 77.000 | 30.000 | 30.000 | | | 29.399 | 29.399 | 28.976 | 28.976 | | | 30.000 | 30.000 | | | 30.000 | 30.000 | | | |
| **2.4** | **Các dự án khởi công mới năm 2019** | | | | **250.882** | **205.263** | **25.000** | **10.000** | | | **23.108** | **23.108** | **21.108** | **10.000** | | | **25.000** | **10.000** | | | **25.000** | **10.000** | | | |
| | ***Dự án nhóm B*** | | | | ***250.882*** | ***205.263*** | ***25.000*** | ***10.000*** | | | ***23.108*** | ***23.108*** | ***21.108*** | ***10.000*** | | | ***25.000*** | ***10.000*** | | | ***25.000*** | ***10.000*** | | | |
| 5 | Đường và cầu Bến Cây Ói | 7630220 | 2019-2021 | 2280/QĐ-UBND 29/9/2017 | 131.205 | 123.263 | 15.000 | 5.000 | | | 12.857 | 12.857 | 11.857 | 5.000 | | | 15.000 | 5.000 | | | 15.000 | 5.000 | | | |
| 6 | Đường từ ngã ba ĐT781 - Bờ hồ Dầu Tiếng đến ĐT.785 ngã tư Tân Hưng | 7636992 | 2019-2022 | 2281/QĐ-UBND 29/9/2017 | 119.677 | 82.000 | 10.000 | 5.000 | | | 10.251 | 10.251 | 9.251 | 5.000 | | | 10.000 | 5.000 | | | 10.000 | 5.000 | | | |
| **II** | **Chương trình mục tiêu đầu tư phát triển hệ thống y tế địa phương** | | | | **126.957** | **50.978** | **31.460** | **11.460** | | | **19.100** | **11.460** | **3.200** | | | | **21.000** | **11.460** | | | **31.460** | **11.460** | | | |
| **2** | **Thực hiện dự án** | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| **2.3** | **Các dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2019** | | | | **126.957** | **50.978** | **31.460** | **11.460** | | | **19.100** | **11.460** | **3.200** | | | | **21.000** | **11.460** | | | **31.460** | **11.460** | | | |
| | ***Dự án nhóm B*** | | | | ***126.957*** | ***50.978*** | ***31.460*** | ***11.460*** | | | ***19.100*** | ***11.460*** | ***3.200*** | | | | ***21.000*** | ***11.460*** | | | ***31.460*** | ***11.460*** | | | |
| 1 | Bệnh viện phục hồi chức năng | 7630665 | 2018-2020 | 2279/QĐ-UBND 29/9/2017 | 126.957 | 50.978 | 31.460 | 11.460 | | | 19.100 | 11.460 | 3.200 | | | | 21.000 | 11.460 | | | 31.460 | 11.460 | | | |
| **III** | **Chương trình mục tiêu quốc phòng, an ninh trên địa bàn trọng điểm** | | | | **110.049** | **99.000** | **10.000** | **10.000** | | | **1.443** | **1.443** | **0** | **0** | | | **5.000** | **5.000** | | | **10.000** | **10.000** | | | |
| **2** | **Thực hiện dự án** | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| **2.4** | **Các dự án khởi công mới năm 2019** | | | | **110.049** | **99.000** | **10.000** | **10.000** | | | **1.443** | **1.443** | **0** | **0** | | | **5.000** | **5.000** | | | **10.000** | **10.000** | | | |
| | ***Dự án nhóm B*** | | | | ***110.049*** | ***99.000*** | ***10.000*** | ***10.000*** | | | ***1.443*** | ***1.443*** | | | | | ***5.000*** | ***5.000*** | | | ***10.000*** | ***10.000*** | | | |
| 1 | Làm đường ra biên giới xã Ninh Điền | 7578418 | 2019-2023 | 2282/QĐ-UBND 29/9/2017 | 110.049 | 99.000 | 10.000 | 10.000 | | | 1.443 | 1.443 | | | | | 5.000 | 5.000 | | | 10.000 | 10.000 | | | |

*Tỉnh Tây Ninh*

# PHỤ LỤC III

## BÁO CÁO CHI TIẾT TÌNH HÌNH THỰC HIỆN VÀ GIẢI NGÂN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ NĂM 2019 VỐN TRÁI PHIẾU CHÍNH PHỦ THEO TỪNG DỰ ÁN

*(Kèm theo Báo cáo số 188 /BC-UBND ngày 03 tháng 6 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh)*

*Đơn vị: Triệu đồng*

| TT | Danh mục dự án | Mã dự án | Thời gian KC-HT | Quyết định đầu tư | | | KH năm 2019 | | | | Khối lượng thực hiện Kế hoạch năm 2019 tính từ 01/01/2019 đến 30/4/2019 | | Giải ngân Kế hoạch năm 2019 từ 01/01/2019 đến 30/4/2019 | | | | Ước giải ngân Kế hoạch năm 2019 từ 01/01/2019 đến 30/6/2019 | | | | Ước giải ngân Kế hoạch năm 2019 từ 01/01/2019 đến 31/01/2020 | | | | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành | TMĐT | | Tổng số (tất cả các nguồn vốn) | *Trong đó: vốn TPCP* | | | Tổng số (tất cả các nguồn vốn) | Trong đó: Vốn TPCP | Tổng số (tất cả các nguồn vốn) | *Trong đó: vốn TPCP* | | | Tổng số (tất cả các nguồn vốn) | *Trong đó: vốn ...* | | | Tổng số (tất cả các nguồn vốn) | *Trong đó: vốn ...* | | | |
| | | | | | Tổng số (tất cả các nguồn vốn) | *Trong đó: vốn TPCP* | | Tổng số | Trong đó: Thu hồi vốn ứng trước | Trong đó: Thanh toán nợ XDCB | | | | Tổng số | Trong đó: Thu hồi vốn ứng trước | Trong đó: Thanh toán nợ XDCB | | Tổng số | Trong đó: Thu hồi vốn ứng trước | Trong đó: Thanh toán nợ XDCB | | Tổng số | Trong đó: Thu hồi vốn ứng trước | Trong đó: Thanh toán nợ XDCB | |
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 | 12 | 13 | 14 | 15 | 16 | 17 | 18 | 19 | 20 | 21 | 22 | 23 | 24 | 25 | 26 |
| | **TỔNG SỐ** | | | | **997.727** | **650.000** | **100.000** | **100.000** | | | **50.000** | **50.000** | | | | | **34.000** | **34.000** | | | | | | | |
| **I** | **Nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy lợi và thủy sản** | | | | **997.727** | **650.000** | **100.000** | **100.000** | | | **50.000** | **50.000** | | | | | **34.000** | **34.000** | | | | | | | |
| **(2)** | **Các dự án khởi công mới** | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| | ***Dự án nhóm B*** | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 1 | Tưới tiêu cho khu vực phía Tây sông Vàm Cỏ Đông tỉnh Tây Ninh | 7629549 | 2018-2022 | 2527/QĐ-UBND 27/10/2017 | 997.727 | 650.000 | 100.000 | 100.000 | | | 50.000 | 50.000 | | | | | 34.000 | 34.000 | | | 100.000 | 100.000 | | | |
| | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |

Tỉnh Tây Ninh

**PHỤ LỤC IV**

**BÁO CÁO CHI TIẾT TÌNH HÌNH THỰC HIỆN VÀ GIẢI NGÂN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ NĂM 2019 VỐN ODA VÀ VỐN VAY ƯU ĐÃI CỦA CÁC NHÀ TÀI TRỢ NƯỚC NGOÀI**

*(Kèm theo Báo cáo số 188 /BC-UBND ngày 03 tháng 6 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh)*

| TT | Danh mục dự án | Mã dự án | Nhà tài trợ | Ngày ký kết hiệp định | Ngày kết thúc Hiệp định | Quyết định đầu tư | | | | | | | | Kế hoạch năm 2019 | | | | | | Khối lượng thực hiện kế hoạch năm 2019 tính từ 01/01/2019 đến 30/4/2019 | | Giải ngân kế hoạch năm 2019 tính từ 01/01/2019 đến 30/4/2019 | | | | | Ước giải ngân kế hoạch năm 2019 tính từ 01/01/2019 đến 30/6/2019 | | | | | Ước giải ngân kế hoạch năm 2019 tính từ 01/01/2019 đến 31/01/2020 | | | | | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | | | Số quyết định | TMĐT | | | | | | | Tổng số (tất cả các nguồn vốn) | Trong đó: | | | | | | | Vốn đối ứng | Vốn nước ngoài (tính theo tiền Việt) | Vốn đối ứng | | Vốn nước ngoài (tính theo tiền Việt) | | | Vốn đối ứng | | Vốn nước ngoài (tính theo tiền Việt) | | | Vốn đối ứng | | Vốn nước ngoài (tính theo tiền Việt) | | | |
| | | | | | | | Tổng số (tất cả các nguồn vốn) | Trong đó: | | | | | | | Vốn đối ứng | | Vốn nước ngoài (tính theo tiền Việt) | | | | | | | Tổng số | Trong đó: NSTW | Tổng số | Trong đó: | | Tổng số | Trong đó: NSTW | Tổng số | Trong đó: | | Tổng số | Trong đó: NSTW | Tổng số | Trong đó: | | |
| | | | | | | | | Vốn đối ứng [1] (vốn trong nước) | | Vốn nước ngoài [2] (theo Hiệp định) | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| | | | | | | | | Tổng số | Trong đó: NSTW | Tính bằng ngoại tệ | Quy đổi ra tiền Việt | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| | | | | | | | | | | | Tổng số | Trong đó: | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| | | | | | | | | | | | | Đưa vào cân đối NSTW | Vay lại | | | | Đưa vào cân đối NSTW | Vay lại | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 | 12 | 13 | 14 | 15 | 16 | 17 | 18 | 19 | 20 | 21 | 22 | 23 | 24 | 25 | 26 | 27 | 28 | 29 | 30 | 31 | 32 | 33 | 34 | 35 | 36 | 37 | 38 |
| | **TỔNG SỐ** | | | | | | | | | | **922.149** | **896.916** | **25.233** | **122.313** | **16.700** | **0** | **105.613** | **105.613** | | **150.000** | **130.000** | **0** | **0** | **0** | **0** | **0** | **5.000** | **0** | **70.000** | **70.000** | **0** | **16.700** | **0** | **105.613** | **105.613** | **0** | |
| **A** | **VỐN NƯỚC NGOÀI KHÔNG GIẢI NGÂN THEO CƠ CHẾ TÀI CHÍNH TRONG NƯỚC** | | | | | | | | | | **922.149** | **896.916** | **25.233** | **122.313** | **16.700** | **0** | **105.613** | **105.613** | | **150.000** | **130.000** | **0** | **0** | **0** | **0** | **0** | **5.000** | **0** | **70.000** | **70.000** | **0** | **16.700** | **0** | **105.613** | **105.613** | **0** | |
| | **Dự án chuyển tiếp** | | | | | | | | | | **922.149** | **896.916** | **25.233** | **122.313** | **16.700** | **0** | **105.613** | **105.613** | | **150.000** | **130.000** | | | | | | **5.000** | | **70.000** | **70.000** | | **16.700** | | **105.613** | **105.613** | | |
| ***(1)*** | ***Dự án chuyển tiếp hoàn thành năm kế hoạch*** | | | | | | ***945.665*** | ***107.625*** | ***53.813*** | ***40.880.000 USD*** | ***838.040*** | ***838.040*** | | ***109.990*** | ***11.700*** | | ***98.290*** | ***98.290*** | | ***150.000*** | ***130.000*** | | | | | | ***5.000*** | | ***70.000*** | ***70.000*** | | ***11700*** | | ***98290*** | ***98290*** | | |
| | ***Dự án nhóm B*** | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 1 | Dự án Phát triển các đô thị hành lang sông Mekong mở rộng tại Mộc Bài - Tây Ninh | 7388314 | ADB | 17/01/2013 | 30/6/2021 | 140/QĐ-BQLKKT 26/7/2012 | 945.665 | 107.625 | 53.813 | 40.880.000 USD | 838.040 | 838.040 | | 109.990 | 11.700 | | 98.290 | 98.290 | | 150.000 | 130.000 | | | | | | 5.000 | | 70.000 | 70.000 | | 11.700 | | 98.290 | 98.290 | | |
| ***(2)*** | ***Dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm kế hoạch*** | | | | | | | | | | ***84.109*** | ***58.876*** | ***25.233*** | ***12.323*** | ***5.000*** | | ***7.323*** | ***7.323*** | | | | | | | | | | | | | | ***5.000*** | | ***7.323*** | ***7.323*** | | |
| | ***Dự án nhóm B*** | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 1 | Tăng cường quản lý đất đai và cơ sở dữ liệu đất đai trên địa bàn tỉnh Tây Ninh | 7686806 | WB | 26/12/2016 | 30/4/2022 | 3159/QĐ-UBND 12/4/2017 | 100.904 | 16.795 | | 4.593.230 USD | 84.109 | 58.876 | 25.233 | 12.323 | 5.000 | | 7.323 | 7.323 | | | | | | | | | | | | | | 5.000 | | 7.323 | 7.323 | | |

*Ghi chú:*

*(1) Phần vốn đối ứng tính theo tiền Việt Nam đồng*

*(2) Số vốn nước ngoài (tính bằng ngoại tệ, kèm theo đơn vị ngoại tệ), quy đổi ra Việt nam đồng theo quy định tại Hiệp định, trường hợp Hiệp định không quy đổi sang Việt nam đồng quy đổi theo tỷ giá thời điểm ký kết Hiệp định. Phần vốn bố trí kế hoạch quy đổi*